|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn**: |  | **Ngày** |  |  |  |  |  |  |
| …………. | **Dạy** | **Tiết** |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |  |  |  |  |

Tiết 22 : **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

Môn : Công nghệ trồng trọt K10

**I. MỤC TIÊU**

***Sau bài ôn tập này, học sinh sẽ:***

**1. Về kiến thức**

- Tái hiện được kiến thức về một số kiến thức chung về trồng trọt, đất trồng và phân bón.

- Tái hiện được kiến thức về ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất các loại giá thể và các loại phân bón dùng trong trồng trọt.

**2. Về năng lực**

***\* Năng lực chung:***

*- Tự chủ và tự học:*

+ Chủ động tái hiện được kiến thức về đất trồng theo sơ đồ tư duy.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Biết phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm, kết hợp để hoàn thành phần việc được giao. Phát triển năng lực giao tiếp thông qua trao đổi với thành viên nhóm và với GV.

- *Năng lực giải quyết vấn đề trong thực tiễn canh tác*.

***\* Năng lực đặc thù:***

- Sử dụng công nghệ cao trong sản xuất giá thể, phân bón dùng trong trồng trọt ở gia đình và địa phương.

**3. Về phẩm chất**

*- Mong muốn tích cực áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất một số loại phân bón, một số giá thể áp dụng trong thực tế sản xuất..*

*- Trách nhiệm:* Hoàn thành tốt bài kiểm tra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tài liệu liên quan

**III, TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |  |
| 1 | **Chủ đề 1: Giới thiệu chung về trồng trọt** | **Bài 1**. Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. | **1** | **0,75** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | 2 | 0 | 1.5 | **5** |
| **Bài 2**. Phân loại cây trồng | **1** | 0,75 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Bài 3**. Mối quan hệ giữa cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt | **3** | 2,25 | 2 | 3.0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 0 | 5.25 | **12.5** |
| 2 | **Chủ đề 2: Đất trồng** | **Bài 4**. Thành phần và tính chất của đất trồng | 3 | 3,0 | 2 | 3.0 | 0 | 0 |  |  | 15 | 1 | 24.25 | **42.5** |
| Bài 5. Biện pháp cải tạo, sử dụng và bảo vệ đất trồng | 3 | 2,25 | 3 | 4.5 | 1\* | 5 | 1 | 10 |
| Bài 6. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất một số giá thể trồng cây | 1 | 1.5 | 1 | 1.5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Chủ đề 3: Phân bón | Bài 7: Một số loại phân bón thường dùng trong trồng trọt | 3 | 2.25 | 3 | 4.5 | 1\* | 5 | 0 | 0 | 8 | 1 | 14 | **40.0** |
| Bài 8: Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất phân bón | 1 | 0.75 | 1 | 1.5 |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  | **16** | **12** | **12** | **18** | **1** | **5** | **1** | **10** | **28** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | |  | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | |  | **70** | | | | **30** | | | |  | |  |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | Chủ đề 1: Giới thiệu chung về trồng trọt | Bài 1. Trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò và triển vọng của trồng trọt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.  - Nêu được một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ trong trồng trọt.  **Thông hiểu:**  - Phân tích tác dụng của các thành tựu nổi bật trong trồng trọt ứng dụng công nghệ cao  - Hiểu được ý nghĩa của việc áp dụng cơ giới hóa trong trồng trọt.  **- Vận dụng:**  - Trình bày được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt. | 1 | 0 | 0 | 0 |
| Bài 2. Phân loại cây trồng | **Nhận biết:**  - Biết được các tiêu chí để phân loại cây trồng.  **Thông hiểu:**  - Phân loại được các nhóm cây trồng theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng.  **Vận dụng:**  - Phân loại được các loại cây trồng ở địa phương | 1 | 0 | 0 | 0 |
| Bài 3. Mối quan hệ giữa cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt | **Nhận biết:**  - Nêu được vai trò của ánh sáng đối với sinh trưởng, phát triển của cây trồng, năng suất và chất lượng của sản phẩm trồng trọt.  - Nêu được vai trò của nhiệt độ đối với sinh trưởng, phát triển của cây trồng, năng suất và chất lượng của sản phẩm trồng trọt.  - Nêu được vai trò của nước và độ ẩm đối với sinh trưởng, phát triển của cây trồng, năng suất và chất lượng của sản phẩm trồng trọt.  - Nêu được vai trò của đất trồng đối với sinh trưởng, phát triển của cây trồng, năng suất và chất lượng của sản phẩm trồng trọt.  - Nêu được vai trò của dinh dưỡng đối với sinh trưởng, phát triển của cây trồng, năng suất và chất lượng của sản phẩm trồng trọt.  - Nêu được vai trò của kĩ thuật canh tác đối với sinh trưởng, phát triển của cây trồng, năng suất và chất lượng của sản phẩm trồng trọt.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được các mối quan hệ giữa cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt.  **Vận dụng:**  - Vận dụng được kiến thức về mối quan hệ giữa cây trồng và các yếu tố chính để có biện pháp điều chỉnh, xử lý trong trồng trọt theo mong muốn của con người. | 3 | 2 | 0 | 0 |
| **2** | **Chủ đề 2. Đất trồng** | Bài 4. Thành phần và tính chất của đất trồng | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm, thành phần, tính chất của đất trồng.  - Trình bày được tính chua, tính kiềm và trung tính của đất trồng.  - Nêu được các thành phần cơ bản của đất trồng và vai trò của của từng thành phần đối với cây trồng.  - Nêu được khái niệm keo đất và vai trò của keo đất.  - Nêu được các phản ứng của dung dịch đất.  - Nêu được ý nghĩa của việc nắm vững phản ứng của dung dịch đất trong sản xuất.  **Thông hiểu:**  ***-*** Mô tả được cấu tạo của keo đất.  - Phân biệt được hạt keo âm, hạt keo dương về cấu tạo.  - Giải thích được cơ sở xác định được đất chua, đất kiềm, đất trung tính.  - Hiểu được ý nghĩa của hiện tượng trao đổi ion của keo đất.  **Vận dụng:**  - Đề xuất được biện pháp cải tạo và sử dụng hợp lý đất chua, đất kiềm. | 3 | 2 | 0 | 0 |
| Bài 5. Biện pháp cải tạo, sử dụng và bảo vệ đất trồng | **Nhận biết:**  - Nêu được các biện pháp sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất trồng.  - Nêu được các đặc điểm, nguyên nhân gây ra đất chua, đất mặn, đất xám bạc màu.  . –Nêu được cơ sở khoa học của biện pháp sử dụng cải tại đất chua, đất mặn và đất bạc màu.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được cơ sở khoa học của biện pháp cải tạo đất chua, đăt mặn và đất xám bạc màu  - Giải thích được mối liên hệ giữa nguyên nhân hình thành và tính chất của đất làm cơ sở xác định được các biện pháp cải tạo và hướng sử dụng hợp lí đối với từng loại đất trồng.  **Vận dụng:**  - Vận dụng được kiến thức để sử dụng đất trồng hợp lí ở địa phương đem lại hiệu quả kinh tế cao.  - Đề xuất được biện pháp cải tạo, bảo vệ đất tại địa phương giúp cây trồng ngày càng phát triển. | 3 | 3 | 0 | 1 |
|  |  | Bài 6. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất một số giá thể trồng cây | **Nhận biết:**  - Kể tên được các loại giá thể trồng cây hữu cơ tự nhiên và giá thể trồng cây vô cơ.  – Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất đất/giá thể trồng cây.  - Nêu đặc điểm của một số loại giá thể trồng cây phổ biến.- Nêu được ý nghĩa của trồng cây bằng giá thể.  **Thông hiểu:** Mô tả được các bước sản xuất một số loại giá thể trồng cây. Phân biệt được thành phần, ưu, nhược điểm và qui trình sản xuất các loại giá thể trồng cây.  **Vận dụng:** Vận dụng kiến thức để đề xuất loại giá thể phù hợp với đối tượng cây trồng tại địa phương. Phân biệt được giá thể tự nhiên và giá thể trơ cứng. | 1 | 1 | 0 |  |
| **3** | **Chủ đề : Phân bón** | Bài 7: Một số loại phân bón thường dùng trong trồng trọt | **Nhận biết:**  - Trình bày được khái niệm về phân bón, vai trò của phân bón trong trồng trọt; đặc điểm của một số loại phân bón phổ biến.  - Nhận biết được một số loại phân bón thông thường.  **Thông hiểu:**  So sánh được các biện pháp sử dụng và bảo quản phân bón phổ biến.  **Vận dụng:** Vận dụng được kiến thức về sử dụng và bảo quản phân bón vào thực tiễn. | 3 | 3 | 1 |  |
| Bài 8: Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất phân bón | **Nhận biết:**  - Trình bày được một số ứng dụng của công nghệ hiện đại trong sản xuất phân bón (Ví dụ: công nghệ vi sinh, công nghệ nano).  **Thông hiểu:** Hiểu được một số ứng dụng của công nghệ hiện đại trong sản xuất phân bón (Ví dụ: công nghệ vi sinh, công nghệ nano).  **Vận dụng:** Vận dụng kiến thức để sản xuất một số loại phân bón có ở địa phương. | 1 | 1 |  |  |
| **Tổng** | | |  | **16** | **8** | **5** | **1** |

**Đề số 001**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 13:**  Đặc điểm của phân hóa học là?

**A.**  Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng. **B.**  Chứa vi sinh vật sống.

**C.**  Hiệu quả chậm. **D.**  Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng.

**Câu 14:**  Đặc điểm của phân hữu cơ là?

**A.**  Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng. **B.**  Chứa vi sinh vật sống.

**C.**  Hiệu quả nhanh. **D.**  Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng.

**Câu 15:**  Đặc điểm của phân Vi sinh vật là?

**A.**  Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng. **B.**  Làm hại đất.

**C.**  Thời gian sử dụng ngắn. **D.**  Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng.

**Câu 16:** Phân hữu cơ vi sinh có ưu điểm là?

**A.**  Dễ phân tán, bám dính, diện tích tiếp xúc. **B.**  Làm hại đất.

**C.**  Giảm sự rửa trôi và bay hơi chất dinh dưỡng. **D.**  Tăng mùn, tăng độ phì nhiêu cho đất.

**Câu 17:**  Thời kì khủng hoảng nước của loài rau ăn lá thường rơi vào giai đoạn:

**A.**  Giai đoạn ra hoa tạo quả. **B.**  Giai đoạn sinh trưởng, sinh dưỡng

**C.**  Giai đoạn thu hoạch lá. **D.**  Giai đoạn cây mới nảy mầm

**Câu 18:**  Trong trồng trọt người ta thắp đèn cho cây thanh long, hoa cúc nhằm mục đích chính:

**A.**  Giúp cây sinh trưởng phát triển tốt **B.**  Kéo dài thời gian chiếu sáng trong ngày giúp phân hóa mầm hoa

**C.**  Hạn chế sâu bệnh hại cây **D.**  Quả mau to

**Câu 19:**  Yếu tố nào quyết định khả năng hấp phụ của đất?

**A.** Số lượng hạt cát **B.** Số lượng keo đất **C.** Số lượng hạt limon **D.** Cây trồng

**Câu 20:** Đất chua có đặc điểm nào sau đây?

**A.**  Trong đất chứa nồng độ muối (NaCl, Na2SO4)dưới 2,56%.

**B.**  Trong dung dịch đất có nồng độ H+ nhỏ hơn nồng độ OH-.

**C.**  Trong đất chứa nồng độ muối (NaCl, Na2SO4)trên 2,56%.

**D.**  Trong dung dịch đất có nồng độ H+ lớn hơn nồng độ OH-.

**Câu 21:**  Để giảm độ chua cho đất, người ta thường làm gì?

**A.**  Bón phân đạm. **B.**  Bón phân ure. **C.** Bón vôi . **D.**  Bón phân kali.

**Câu 22:**  Cho các biện pháp cải tạo đất mặn:

(1). Bón phân cân đối phân đạm, lân, kali.

(2). Xây dựng hệ thống kênh mương để thau rửa, tiêu mặn.

(3). Trồng cây chịu mặn, nuôi trồng thủy sản.

(4). Bón vôi để đẩy Na+ ra khỏi keo đất

Các biện pháp đúng là

**A.**  (2), (4), (3). **B.**  (1), (2), (3),(4). **C.**  (1), (2), (4). **D.**  (2), (3), (1).

**Câu 23:**  Tác dụng của biện pháp thủy lợi trong cải tạo đất xám bạc màu?

**A.** Cải tạo tính chất vật lý của đất (đất thường khô hạn).

**B.** Hạn chế rửa trôi các các cation kiềm trong đất.

**C.** Tăng độ phì nhiêu cho đất, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng.

**D.** Tránh sự rửa trôi chất dinh dưỡng trong đất.

**Câu 24:**  Giá thể trồng cây hữu cơ tự nhiên gồm những loại nào sau đây?

**A.** Than bùn, mùn cưa, trấu hun, đất phù sa. **B.** Than bùn, mùn cưa, đá perlite, đất sét.

**C.** Than bùn, mùn cưa, trấu hun, xơ dừa. **D.** Than bùn, mùn cưa, trấu hun, gốm.

**Câu 25:** Loại phân bón nào thường dùng để bón lót?

**A.**  Phân đạm **B.**  Phân kali **C.**  Phân lân **D.**  Phân hữu cơ.

**Câu 26:** Loại phân bón nào thường dùng để bón thúc?

**A.**  Phân xanh **B.**  Phân kali **C.**  Phân lân **D.**  Phân vi sinh vật.

**Câu 27:** Phân NPK (phân tổng hợp) được sử dụng như thế nào?

**A.**  Bón lót **B.**  Bón thúc **C.**  Bón qua lá **D.**  Cả bón thúc và bón lót.

**Câu 28**. Ưu điểm của phân bón tan chậm có kiểm soát:

A, Giá thành sản xuất thấp B, Giá bán cao.

C, Tiết kiệm phân bón D, Chủng loại đa dạng

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3đ)**

**Câu 1 (2 điểm).** Địa phương sử dụng phân bón hữu cơ nào? Chúng được bón như thế nào về lượng, cách bón, thời điểm bón?

**Câu 2 (1 điểm).** Theo em, cần áp dụng các biện pháp kĩ thuật nào để tăng độ phì nhiêu của đất?

**ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM**

**I, PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đ Án** | **B** | D | D | A | D | D | C | A | B | D | A | C | D | A |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **Đ Án** | C | D | B | B | B | D | C | A | A | C | C | B | D | C |

**II, PHẦN TỰ LUẬN (3đ)**

**Câu 1 (2 điểm).** Địa phương sử dụng phân bón hữu cơ nào? Chúng được bón như thế nào về lượng, cách bón, thời điểm bón?

Địa phương sử dụng phân hữu cơ truyền thống và phân xanh

\* Phân hữu cơ truyền thống:

+ Thời điểm bón: Sử dụng loại phân truyền thống này đạt hiệu quả nhất khi bón lót vào đất, trước khi trồng cây 15 ngày. Vì loại phân này phân hủy chậm, tan lâu nên cần bón trước vào đất, đợi 15 ngày để các chất dinh dưỡng tan trong đất cây sẽ dễ dàng hấp thụ hơn.

+ Cách bón: khi bón, có thể rải theo hàng, bón vào trong hố, xới đất lên trộn lên hoặc xới đất lên rải khắp bề mặt rồi lấp đất lại.

Lượng phân: tùy thuộc vào tình trạng đất và loại cây trồng canh tác.

\* Phân xanh:

- Bón trực tiếp ở chân ruộng trũng.

- Ngâm lấy nước tưới ở chân ruộng khô.

- Ủ như phân chuồng.

**Câu 2**. Theo em, cần áp dụng các biện pháp kĩ thuật nào để tăng độ phì nhiêu của đất?

Cần phải áp dụng các biện pháp kĩ thuật để tăng độ phì nhiêu của đất:

- Có chế độ làm đất và tưới tiêu hợp lí.

- Tằng cường bón phân hữu cơ, bón phân vô cơ hợp lí.

- Trồng luân canh , xen canh cây họ đậu, cây phân xanh.

- Tăng cường bón phân vi sinh để tăng lượng VSV đất.

- Bón vôi khử chua.

**Đề số 002**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**. Hình ảnh nào thể hiện vai trò của trồng trọt là tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp?

A. Diagram

Description automatically generated with medium confidence B. A plate of food

Description automatically generated with low confidence

C.  D. A picture containing text, drum, cup, porcelain

Description automatically generated

**Câu 2:** Đâu là nhóm cây trồng được phân loại theo mục đích sử dụng?

**A.**  Cây ôn đới. **B.**  Cây nhiệt đới. **C.**  Cây á nhiệt đới. **D.**  Cây rau.

**Câu 3**: Ánh sáng tác động đến cây trồng thông qua yếu tố nào sau đây?

**A.**  Chất lượng ánh sáng **B.**  Thời gian chiếu sáng

**C.**  Cường độ chiếu sáng **D.**  Cả 3 đáp án trên

**Câu 4:** Đâu là yếu tố chính tác động đến cây trồng?

**A.** nhiệt độ, ánh sáng, nước, đất, dinh dưỡng, giống cây trồng, kĩ thuật canh tác.

**B.** nước, đất, dinh dưỡng, giống cây trồng, kĩ thuật canh tác.

**C**. nhiệt độ, ánh sáng, nước, giống cây trồng, kĩ thuật canh tác.

**D.** nhiệt độ, ánh sáng, nước, đất, dinh dưỡng.

**Câu 5:** Có bao nhiêu nguyên tố hóa học thiết yếu cho cây trồng?

**A,** 16 **B,** 14 **C,** 24 D, 26

**Câu 6:**  Khả năng hấp phụ của đất do thành phần nào quyết định?

**A.**  Phần lỏng. **B.**  Chất vô cơ. **C.**  Phần rắn. **D.**  Keo đất.

**Câu 7:**  Ở keo đất âm, thành phần nào của keo đất mang điện tích âm?

**A.** Lớp ion khuếch tán. **B.** Lớp ion không di chuyển.

**C.** Lớp ion quyết định điện. **D.** Nhân keo đất.

**Câu 8:**  Những phần tử có kích thước nhỏ hơn 1micromet, không hòa tan trong nước mà ở trạng thái huyền phù được gọi là gì?

**A.**  Sỏi. **B.**  Sét. **C.**  Keo đất. **D.**  Limon.

**Câu 9:**  Đặc điểm của đất xám bạc màu là

**A.**  Đất chứa nhiều muối NaCl, Na2SO4… **B.**  Đất có tầng canh tác mỏng.

**C.**  Đất chứa nhiều Al3+, Fe3+ tự do. **D.**  Vi sinh vật có ích hoạt động mạnh.

**Câu 10:**  Đặc điểm của xói mòn mạnh trơ sỏi đá là

**A.**  Đất chứa nhiều muối NaCl, Na2SO4… **B.**  Đất có tầng canh tác mỏng.

**C.**  Đất chứa nhiều Al3+, Fe3+ tự do. **D.**  Vi sinh vật ít, hoạt động của vi sinh vật yếu.

**Câu 11:**  Tác dụng chính của biện pháp thủy lợi trong cải tạo đất xám bạc màu?

**A.** Tăng độ phì nhiêu cho đất, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng.

**B.** Hạn chế rửa trôi các các cation kiềm trong đất.

**C.** Nâng cao độ pH.

**D.** Cải tạo tính chất đất thường khô hạn.

**Câu 12:** Khi sản xuất viên nén sơ dừa, dùng vôi bột để xử lí?

**A.**  Lignin. **B.**  Động vật. **C.**  Tanin. **D.**  Mần bệnh.

**Câu 13:**  Đặc điểm của phân hóa học là?

**A.**  Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng. **B.**  Chứa vi sinh vật sống.

**C.**  Hiệu quả chậm. **D.**  Dễ tan, dễ tiêu nên hiệu quả nhanh.

**Câu 14:**  Đặc điểm của phân hữu cơ là?

**A.**  Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng. **B.**  Chứa vi sinh vật sống.

**C.**  Hiệu quả nhanh. **D.**  Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng.

**Câu 15:**  Đặc điểm của phân Vi sinh vật là?

**A.**  Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng. **B.**  Làm hại đất.

**C.**  Thời gian sử dụng ngắn. **D.**  Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng.

**Câu 16:** Phân hữu cơ vi sinh có ưu điểm là?

**A.**  Dễ phân tán, bám dính, diện tích tiếp xúc. **B.**  Làm hại đất.

**C.**  Giảm sự rửa trôi và bay hơi chất dinh dưỡng. **D.**  Tăng mùn, tăng độ phì nhiêu cho đất.

**Câu 17:** Thời kì khủng hoảng nước của loài rau ăn lá thường rơi vào giai đoạn:

**A.**  Giai đoạn ra hoa tạo quả. **B.**  Giai đoạn sinh trưởng, sinh dưỡng

**C.**  Giai đoạn thu hoạch lá. **D.**  Giai đoạn cây mới nảy mầm

**Câu 18:**  Trong trồng trọt người ta thắp đèn cho cây thanh long, hoa cúc nhằm mục đích chính:

**A.**  Giúp cây sinh trưởng phát triển tốt **B.**  Kéo dài thời gian chiếu sáng trong ngày giúp phân hóa mầm hoa

**C.**  Hạn chế sâu bệnh hại cây **D.**  Quả mau to

**Câu 19:**  Yếu tố nào quyết định khả năng hấp phụ của đất?

**A.** Số lượng hạt cát **B.** Số lượng keo đất **C.** Số lượng hạt limon **D.** Cây trồng

**Câu 20:** Đất chua có đặc điểm nào sau đây?

**A.**  Trong đất chứa nồng độ muối (NaCl, Na2SO4)dưới 2,56%.

**B.**  Trong dung dịch đất có nồng độ H+ nhỏ hơn nồng độ OH-.

**C.**  Trong đất chứa nồng độ muối (NaCl, Na2SO4)trên 2,56%.

**D.**  Trong dung dịch đất có nồng độ H+ lớn hơn nồng độ OH-.

**Câu 21:**  Để giảm độ chua cho đất, người ta thường làm gì?

**A.**  Bón phân đạm. **B.**  Bón phân ure. **C.**  Bón phân kali. **D.**  Bón vôi.

**Câu 22:** Để sử dụng và bảo vệ đất trồng cần áp dụng biện pháp nào sau đây?

**A.**  Bón phân vô cơ liên tục trong nhiều năm.

**B.**  Khai thác triệt để nguồn tài nguyên đất trồng.

**C.**  Chọn cây trồng phù hợp với từng loại đất.

**D.**  Trồng độc canh một loại cây trồng trong thời gian dài.

**Câu 23:** Tác dụng chính của biện pháp bón vôi trong cải tạo đất xám bạc màu?

**A.** Nâng cao độ pH – khử chua.

**B.** Hạn chế rửa trôi các các cation kiềm trong đất.

**C.** Tăng độ phì nhiêu cho đất, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng.

**D.** Tránh sự rửa trôi chất dinh dưỡng trong đất.

**Câu 24:**  Giá thể trồng cây hữu cơ tự nhiên gồm những loại nào sau đây?

**A.** Than bùn, mùn cưa, trấu hun, đất phù sa. **B.** Than bùn, mùn cưa, đá perlite, đất sét.

**C.** Than bùn, mùn cưa, trấu hun, xơ dừa. **D.** Than bùn, mùn cưa, trấu hun, gốm.

**Câu 25:** Loại phân bón nào được sản xuất theo quy trình công nghiệp có sử dụng nguyên liệu tự nhiên?

**A.**  Phân đạm **B.**  Phân kali **C.**  Phân lân **D.**  Phân hữu cơ.

**Câu 26:** Loại cây trồng nào là phân xanh?

**A.**  Cây rau **B.**  Cây ngô **C.**  Cây lúa **D.**  Cây họ đậu.

**Câu 27:** Loại phân bón nào không được tẩm vào hạt, rễ cây trước khi gieo trồng?

**A.**  Phân VSV cố định đạm **B.**  Phân VSV chuyển hoá lân

**C.**  Phân VSV phân giải chất hữu cơ **D.**  Cả 3 loại phân bón trên.

**Câu 28**. Ưu điểm của phân bón tan chậm có kiểm soát:

**A**, Tiết kiệm công chăm sóc. **B**, Giá bán thấp

**C,** Giá thành sản xuất thấp **D**, Chủng loại đa dạng

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3đ)**

**Câu 1 (2 điểm).** Hãy so sánh đặc điểm, tính chất của phân hoá học và phân hữu cơ?

**Câu 2 (1 điểm).** Ở địa phương em có những loại đất trồng phổ biến nào? Người ta thường trồng những loại cây gì trên đất đó?

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM**

**I, PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| Đ Án | B | D | D | A | B | D | C | C | B | D | A | A | D | A |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| Đ Án | C | D | B | B | B | D | D | C | A | C | C | D | C | A |

**II, PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1: So sánh đặc điểm, tính chất của phân hoá học và phân hữu cơ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phân hoá học** | **Phân hữu cơ** | **Điểm** |
| - Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng nhưng thành phần tỉ lệ chất dinh dưỡng lại cao.  - Đa số phân hoá học ở dạng dễ tan, dễ tiêu (trừ phân lân) nên cây trồng dễ hấp thu và hiệu quả nhanh.  - Bón nhiều làm hại đất (làm cho đất chai, cững và chua) | - Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng từ đa lượng, trung lương và vi lượng nhưng thành phần tỉ lệ chất dinh dưỡng thấp và không ổn định.  - Chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ phải trải qua quá trình khoáng hoá cây mới sử dụng được nên hiệu quả chậm.  - Bón nhiều có tác dụng cải tạo đất. | 1, 5 đ |

**Nhận xét:**  Các đặc điểm, tính chất của phân hoá học và phân hữu cơ hoàn toàn trái ngược nhau. (0,5đ)

**Câu 2 (1 điểm).** Ở địa phương em có những loại đất trồng nào? Người ta thường trồng những loại cây gì trên đất đó?

Ở địa phương em có 2 loại đất trồng chính.

\* Đất xám bạc màu:

Một số cây trồng phổ biến: Ngô, sắn, chè, cà phê, đậu, lạc….

\* Đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá:

Một số cây trồng phổ biến: thông, cao su, cây ăn quả, Ngô, sắn, chè, cà phê, đậu, lạc….